

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG

Số: 02/2005/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

Hà Nội, Ngày 24 tháng 06 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng

7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai

thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước,

Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi đối với các loại giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước sông, suối, rạch, vùng biển ven bờ, hồ, đầm, ao; quy định các mẫu hồ sơ đề nghị cấp phép, mẫu giấy phép.

Việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước từ các tàu, thuyền được hướng dẫn ở văn bản khác.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình là khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có quy mô không vượt quá:

- a) 0,02 m³/s đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp;
- b) Công suất lắp máy 50 kW đối với khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không có chuyển đổi dòng chảy;
- c) 100 m³/ngày đêm đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác;
- d) 20 m³/ngày đêm đối với khai thác, sử dụng nước dưới đất;
- đ) 10 m³/ngày đêm đối với xả nước thải.

3.2. Khu vực khai thác nước dưới đất là vùng diện tích bố trí công trình khai thác và đới phòng hộ vệ sinh quy định trong giấy phép khai thác.

3.3. Công trình khai thác nước dưới đất là hệ thống gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất, nằm trong một khu vực khai thác nước và khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1000 mét, thuộc sở hữu của một tổ chức, hoặc cá nhân.

3.4. Lưu lượng của một công trình khai thác nước dưới đất là tổng lưu lượng của các giếng khoan, giếng đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc công trình đó.

3.5. Tổng lượng dòng ngầm trung bình mùa kiệt của một vùng được tính bằng tổng lượng dòng chảy trung bình nhiều năm của các sông, suối trong vùng đó vào các tháng mùa kiệt (đối với vùng miền núi), hoặc bằng lượng nước chứa trong đới dao động mực nước giữa đầu mùa kiệt và cuối mùa kiệt của tầng chứa nước khai thác (đối với vùng đồng bằng).

4. Các trường hợp không phải xin phép

4.1. Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi đất được giao, được thuê quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp khai thác, sử dụng nước từ các ao, hồ tự nhiên được hình thành từ mưa trong phạm vi đất được giao, được thuê hoặc được quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai.

4.2. Vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký quy định

tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định căn cứ vào các cơ sở sau đây:

- a) Hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất;
- b) Trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác trong vùng;
- c) Đặc điểm phân bố các tầng chứa nước; có sự xen kẽ giữa tầng chứa nước nhạt và tầng chứa nước mặn.

4.3. Trên cơ sở khả năng nguồn nước, tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước ở từng vùng, và quy định tại điểm 3.1 mục 3 phần I của Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép.

5. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép

5.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

- a) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các công trình quan trọng quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- b) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên;
- c) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 2m³/giây trở lên;
- d) Khai thác sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên;
- đ) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên;
- e) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 5.000 m³/ngày đêm trở lên.

5.2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp không quy định tại điểm 5.1 mục 5 phần I của Thông tư này và không thuộc các trường hợp không phải xin phép qui định tại Điều 6 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP.

6. Nội dung chủ yếu của giấy phép

6.1. Giấy phép thăm dò nước dưới đất:

- a) Tên, địa chỉ của chủ giấy phép;
- b) Mục đích và quy mô thăm dò;
- c) Vị trí toạ độ, diện tích khu vực thăm dò;
- d) Tầng chứa nước thăm dò;
- đ) Khối lượng các hạng mục công tác thăm dò;
- e) Thời hạn của giấy phép thăm dò nước dưới đất;
- g) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp thăm dò nước dưới đất do cơ quan cấp phép quy định nhằm mục đích:
 - Bảo vệ tầng chứa nước và môi trường xung quanh khu vực thăm dò;
 - Bảo đảm hiệu quả, chất lượng của công tác thăm dò;
 - Bảo vệ quyền, lợi ích khai thác, sử dụng nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực thăm dò.
- h) Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép.

6.2. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất:

- a) Tên, địa chỉ của chủ giấy phép;
- b) Mục đích khai thác, sử dụng nước;
- c) Vị trí công trình khai thác nước;
- d) Tầng chứa nước khai thác;
- đ) Tổng số giếng hoặc hành lang, mạch lộ, hang động khai thác;
- e) Tổng lượng nước khai thác, sử dụng;
- g) Chế độ khai thác;
- h) Các thông số chủ yếu của công trình khai thác;

i) Thời hạn của giấy phép;

k) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất do cơ quan cấp phép quy định nhằm mục đích:

- Bảo đảm tầng chứa nước khai thác và các tầng chứa nước liên quan không bị suy thoái, cạn kiệt; bảo vệ môi trường sinh thái;

- Bảo đảm không gây sụt lún mặt đất;

- Bảo vệ quyền, lợi ích khai thác, sử dụng nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang khai thác sử dụng nước dưới đất tại khu vực đề nghị cấp phép khai thác.

l) Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép.

6.3. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt:

a) Tên, địa chỉ của chủ giấy phép;

b) Mục đích khai thác, sử dụng nước;

c) Nguồn nước khai thác sử dụng;

d) Vị trí công trình khai thác, sử dụng;

đ) Phương thức khai thác, sử dụng nước;

e) Lượng nước khai thác, sử dụng;

g) Thời hạn của giấy phép;

h) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt do cơ quan cấp phép quy định nhằm mục đích:

- Bảo đảm duy trì dòng chảy môi trường của nguồn nước;

- Bảo vệ quyền, lợi ích khai thác, sử dụng nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang khai thác sử dụng nước mặt cùng nguồn nước xin khai thác.

i) Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép.

6.4. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

a) Tên, địa chỉ của chủ giấy phép;

- b) Nguồn nước tiếp nhận nước thải;
- c) Vị trí nơi xả nước thải;
- d) Lưu lượng, phương thức xả nước thải;
- đ) Giới hạn thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải;
- e) Thời hạn của giấy phép;
- g) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp xả nước thải do cơ quan cấp phép quy định nhằm mục đích:
 - Bảo vệ môi trường và hệ sinh thái thủy sinh;
 - Bảo đảm mục tiêu chất lượng nước của nguồn nước tiếp nhận nước thải;
 - Bảo vệ quyền, lợi ích xả nước thải hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận nước thải.
- h) Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép.

7. Thời hạn, gia hạn giấy phép

Thời hạn, thời gian gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước do cơ quan cấp giấy phép quyết định trên cơ sở các quy định tại Điều 5, Điều 7 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP và cần xem xét các yếu tố sau đây:

7.1. Đối với khai thác, sử dụng nước dưới đất:

- a) Mục đích khai thác sử dụng nước;
- b) Quy hoạch khai thác, sử dụng nước dưới đất tại vùng đề nghị khai thác; trường hợp chưa có quy hoạch thì phải căn cứ vào tiềm năng nguồn nước dưới đất;
- c) Mức độ chi tiết của việc thăm dò nước dưới đất và cấp trữ lượng được đánh giá;
- d) Hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất trong vùng.

7.2. Đối với khai thác, sử dụng nước mặt:

- a) Mục đích khai thác, sử dụng nước;
- b) Quy hoạch khai thác, sử dụng nước mặt tại vùng đề nghị khai thác; trường hợp chưa

có quy hoạch thì phải căn cứ vào tiềm năng nguồn nước;

c) Mức độ chi tiết của việc đánh giá nguồn cấp nước;

d) Hiện trạng khai thác, sử dụng nguồn nước.

7.3. Đối với xả nước thải vào nguồn nước:

a) Lưu lượng, phương thức xả nước thải;

b) Thông số, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải;

c) Quy trình công nghệ xử lý nước thải;

d) Mục tiêu chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải;

đ) Kế hoạch giám sát, quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải;

e) Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm của tổ chức, cá nhân xin phép xả nước thải;

g) Kế hoạch quản lý, xây dựng hệ thống xử lý nước thải của khu vực, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. Thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

8.1. Việc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép do cơ quan cấp phép quyết định trên cơ sở các quy định tại Điều 8 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP.

8.2. Trường hợp chủ giấy phép đề nghị thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì chủ giấy phép phải làm thủ tục như quy định tại điểm 2.5 mục 2 phần II của Thông tư này.

8.3. Trường hợp cơ quan cấp phép thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ba mươi (30) ngày.

8.4. Các nội dung trong giấy phép không được thay đổi, điều chỉnh:

a) Tên chủ giấy phép;

b) Nguồn nước khai thác, sử dụng; nguồn nước tiếp nhận nước thải;

c) Lượng nước khai thác, sử dụng vượt quá 25% quy định trong giấy phép đã được cấp;

d) Lượng nước xả vượt quá 25% quy định trong giấy phép đã được cấp;

đ) Thông số, nồng độ các chất ô nhiễm quy định trong giấy phép xả nước thải.

Trong các trường hợp nêu trên, chủ giấy phép phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép mới.

9. Đình chỉ hiệu lực giấy phép

9.1. Việc đình chỉ hiệu lực của giấy phép do cơ quan cấp phép quyết định trong trường hợp chủ giấy phép có các hành vi quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP.

9.2. Khi thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất, nếu phát hiện chủ giấy phép vi phạm các nội dung quy định tại Điều 9 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, thì người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan cấp phép có trách nhiệm xem xét việc đình chỉ hiệu lực của giấy phép.

9.3. Căn cứ vào mức độ vi phạm của chủ giấy phép, mức độ ảnh hưởng của việc đình chỉ giấy phép đến hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng, cơ quan cấp phép quyết định thời gian và thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép, nhưng thời hạn đình chỉ tối đa không quá:

a) Ba (03) tháng đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất;

b) Sáu (06) tháng đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

9.4. Cơ quan cấp phép có thể xem xét rút ngắn thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép khi chủ giấy phép đã khắc phục hậu quả liên quan đến lý do đình chỉ giấy phép và hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

10. Thu hồi giấy phép

10.1. Việc thu hồi giấy phép do cơ quan cấp phép quyết định trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP.

10.2. Khi thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện giấy phép, nếu phát hiện các trường hợp quy định tại điểm a, b, đ khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP thì người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép; nếu phát hiện các trường hợp quy định tại điểm c, d, khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, thì người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan cấp phép có trách nhiệm xem xét việc thu hồi giấy phép.

10.3. Đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP thì phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ba mươi (30) ngày.

11. Phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có nghĩa vụ nộp phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp phép theo quy định của pháp luật.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, THAY ĐỔI THỜI HẠN, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP

1. Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp phép

1.1. Trường hợp chưa có công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, công trình xả nước thải vào nguồn nước, thì chủ đầu tư đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ trong giai đoạn thực hiện đầu tư.

1.2. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa có giấy phép, thì tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

1.3. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không thuộc sở hữu nhà nước và chưa có giấy phép, thì chủ sở hữu công trình đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

1.4. Trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thuộc sở hữu nhà nước đã có giấy phép cấp cho chủ đầu tư, nhưng chủ đầu tư không trực tiếp quản lý vận hành công trình thì chủ đầu tư phải có văn bản bàn giao công trình cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép.

2. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

2.1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm;

c) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất

theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi thăm dò, hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để thăm dò;

Mẫu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất được quy định tại mục I trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư này.

2.2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác nước dưới đất;

c) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000;

d) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với trường hợp công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với trường hợp công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm; báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động;

đ) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

e) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt giếng khai thác. Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đặt công trình xác nhận;

Mẫu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất được quy định tại mục II trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư này.

2.3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp đang có công trình khai thác;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000;

đ) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình khai thác. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đặt công trình xác nhận;

Mẫu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt được quy định tại mục III trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư này.

2.4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

c) Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

d) Đề án xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa có công trình xử lý nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải và đã có công trình xử lý nước thải;

đ) Bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000;

e) Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải. Trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đặt công trình xác nhận;

Mẫu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại mục IV trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư này.

2.5. Hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn, hoặc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
- b) Giấy phép đã được cấp;
- c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
- d) Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;
- đ) Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;

Mẫu hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại mục V trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư này.

2.6. Các tài liệu về thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất, địa chất thủy văn, thủy văn, khí tượng, chất lượng nước và các tài liệu khác sử dụng để lập đề án, báo cáo của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải được tổ chức có tư cách pháp lý về các lĩnh vực nêu trên cung cấp; đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất phải được cơ quan cấp phép phê duyệt.

2.7. Việc xây dựng đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải tuân theo các quy chuẩn, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; nếu áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật nước ngoài thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng.

3. Trình tự cấp giấy phép

Trình tự cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

3.1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

- a) Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp phép gửi hồ sơ tới cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP; sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đặt công trình đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý tài nguyên nước.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại các điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 mục 2 phần II của Thông tư này trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3.2. Thời hạn thẩm định:

a) Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất là mười lăm (15) ngày làm việc đối với công trình thăm dò có quy mô dưới 3000 m³/ngày đêm, ba mươi (30) ngày làm việc đối với công trình thăm dò có quy mô từ 3000 m³/ngày đêm trở lên;

b) Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất là mười lăm (15) ngày làm việc đối với trường hợp đã có giếng khai thác. Trường hợp chưa có giếng khai thác thì thời hạn thẩm định và trình cơ quan cấp phép ra văn bản cho phép thi công giếng khai thác là mười (10) ngày làm việc.

c) Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt là ba mươi (30) ngày làm việc;

d) Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước là ba mươi (30) ngày làm việc;

Thời hạn thẩm định hồ sơ được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.3. Nội dung thẩm định hồ sơ:

a) Căn cứ pháp lý của việc xin phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

b) Tài liệu sử dụng, quy chuẩn, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, áp dụng trong đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

c) Tính hợp lý của việc lựa chọn nguồn nước; sơ đồ bố trí công trình thăm dò, phương pháp và khối lượng thăm dò trong trường hợp đề nghị cấp phép thăm dò nước dưới đất; kết quả tính toán trữ lượng nước dưới đất, vị trí, quy mô và phương thức khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

d) Sự phù hợp của việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước với quy hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước của vùng;

đ) Ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước tới nguồn nước, môi trường và quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

3.4. Tổ chức việc thẩm định hồ sơ:

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định;

b) Trường hợp cần thiết cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể thành lập Hội đồng thẩm định, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan; cơ quan, tổ chức được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến;

c) Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa thì tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến việc kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

d) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo ý kiến của mình (nếu có) về đề nghị cấp phép trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép đối với các trường hợp đề nghị cấp phép do Cục Quản lý tài nguyên nước tổ chức thẩm định.

3.5. Căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP và kết quả thẩm định hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm định trình cơ quan cấp phép;

a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để cấp giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự thảo giấy phép trình cơ quan cấp phép xem xét, quyết định. Mẫu giấy phép được quy định tại mục VI trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân xin phép.

3.6. Trên cơ sở báo cáo thẩm định và đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép xem xét, quyết định việc cấp phép.

4. Trình tự gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

Trình tự gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

4.1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

a) Chủ giấy phép đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép gửi hồ sơ tới cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP; sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đặt công trình đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục quản lý tài nguyên nước.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo quy định tại điểm 2.5 mục 2 phần II của Thông tư này trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

4.2. Thời hạn thẩm định:

Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước là hai mươi (20) ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.3. Nội dung thẩm định:

a) Đối với trường hợp gia hạn giấy phép:

- Lý do đề nghị gia hạn giấy phép;
- Tính chính xác và đầy đủ của báo cáo do chủ giấy phép lập về việc thực hiện các nội dung của giấy phép;
- Sự phù hợp của việc gia hạn giấy phép với quy hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước hoặc khả năng nguồn nước của vùng;
- Ảnh hưởng của việc gia hạn giấy phép tới môi trường nước và quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

b) Đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép:

- Căn cứ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;
- Lý do đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;
- Tính chính xác và đầy đủ của báo cáo do chủ giấy phép lập về việc thực hiện các nội dung của giấy phép;

- Sự phù hợp của việc điều chỉnh nội dung giấy phép với tình hình thực tế thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và bảo vệ tài nguyên nước của vùng;
- Ảnh hưởng của việc điều chỉnh nội dung giấy phép tới nguồn nước, môi trường và quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

4.4. Tổ chức việc thẩm định hồ sơ:

- a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức việc thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định;
- b) Trường hợp cần thiết cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể thành lập Hội đồng thẩm định, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan; cơ quan, tổ chức được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến;
- c) Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa thì tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến việc kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;
- d) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo ý kiến của mình (nếu có) về đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đối với các trường hợp đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép do Cục quản lý tài nguyên nước tổ chức thẩm định

4.5. Căn cứ theo quy định tại các Điều 4, 5, 7 và 8 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP và kết quả thẩm định hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm định trình cơ quan cấp phép:

- a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự thảo quyết định trình cơ quan cấp phép xem xét, quyết định. Mẫu quyết định gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép được quy định tại mục VII trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư này.
- b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.

4.6. Trên cơ sở báo cáo thẩm định và đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép xem xét, quyết định việc gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy

phép.

III. QUẢN LÝ HỒ SƠ, GIẤY PHÉP

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; hồ sơ, giấy phép được lưu trữ bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP;

b) Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

c) Bản gốc giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

2. Các đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước sau khi thẩm định phải được đóng dấu xác nhận của cơ quan thẩm định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

1.1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Thông tư này tại địa phương.

1.2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc quản lý, tổng hợp và lập báo cáo hằng năm về tình hình cấp phép, thực hiện giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi quản lý hành chính của địa phương và gửi báo cáo hằng năm về Cục Quản lý tài nguyên nước.

1.3. Cục Quản lý tài nguyên nước có trách nhiệm giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc quản lý, tổng hợp và lập báo cáo hằng năm tình hình cấp phép, thực hiện giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi cả nước.

1.4. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phải kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

2. Hiệu lực thi hành

2.1. Bãi bỏ các quy định về cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT ngày 4 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật mà còn thời hạn thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết hạn của giấy phép.

2.3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Công Thành